

Số: 45 /2013/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quy định về hoạt động đo đạc  
bản đồ, sử dụng các sản phẩm đo đạc bản đồ trên địa bàn thành phố Hà Nội  
ban hành kèm theo Quyết định số 54/2010/QĐ-UBND ngày 19/11/2010  
của UBND Thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Luật Thủ đô;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về  
thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22/1/2002 của Chính phủ về  
hoạt động đo đạc và bản đồ; Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của  
Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 33/2008/QĐ-TTg ngày 27/2/2008 của Thủ tướng  
Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển ngành đo đạc và bản đồ đến  
năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01/6/2009 của Bộ Tài  
nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu và  
kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính; Thông tư số  
32/2010/TT-BTNMT ngày 18/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy  
định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ; Thông tư liên tịch số 04/TTLT-  
BTNMT-BTC ngày 27/02/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài  
chính về việc hướng dẫn lập dự toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
1335/TTr-STNMT ngày 29 tháng 3 năm 2013 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư  
pháp tại Báo cáo số 1486/STP-VBPQ ngày 24 tháng 6 năm 2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều tại: “Quy định về hoạt động đo đạc  
và bản đồ, sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn thành phố Hà Nội”  
ban hành kèm theo Quyết định số 54/2010/QĐ-UBND ngày 19/11/2010 của  
UBND Thành phố Hà Nội. Cụ thể như sau:

1. Khoản 2 và 4, **Điều 2** được sửa đổi như sau :

“2. Bản đồ là hoạt động khoa học kỹ thuật thu nhận và xử lý các thông tin, dữ liệu từ quá trình đo đạc, khảo sát thực địa để biểu thị bề mặt trái đất dưới dạng mô hình thu nhỏ bằng hệ thống ký hiệu và màu sắc theo quy tắc toán học nhất định. Các loại bản đồ bao gồm: bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ địa chính, bản đồ hành chính, bản đồ biên, bản đồ hiện trạng và các loại bản đồ chuyên đề khác.”

“4. *Bản đồ hiện trạng*: là bản đồ phản ánh hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm đo đạc, nội dung gồm: các yếu tố địa hình, ranh giới các thửa đất, chủ sử dụng đất; các chỉ giới về quy hoạch; ranh giới sử dụng đất theo các quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có). Bản đồ hiện trạng được lập để làm hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác quy hoạch đô thị và nông thôn, công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyên mục đích sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố (nếu sử dụng bản đồ hiện trạng phục vụ công tác lập quy hoạch trong trường hợp bản đồ không phù hợp với hiện trạng tại thời điểm lập quy hoạch thì phải thực hiện khảo sát đo đạc bổ sung)”

2. Mục c, Khoản 2, **Điều 3** được sửa đổi như sau:

“ c) Nghiêm cấm các hoạt động đo đạc và bản đồ có nguy cơ gây hại hoặc gây hại cho quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố;”

3. Bãi bỏ Mục d, Khoản 2, **Điều 3**.

4. Mục b, Khoản 2, **Điều 5** được sửa đổi như sau:

“ b) Bản đồ được lập bằng phương pháp chính lý, đo vẽ bổ sung: Đối với những trường hợp đã có trích lục bản đồ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp; các khu vực đã có bản đồ địa chính cơ sở cùng tỷ lệ hoặc lớn hơn đối với bản đồ cần đo vẽ (chỉ áp dụng đối với các trường hợp xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyên mục đích sử dụng đất), dùng bản đồ này làm nền để chỉnh lý nội dung địa chính và đo vẽ bổ sung yếu tố địa hình”

5. **Điều 6** được sửa đổi như sau:

“ **Điều 6:** Phân cấp thẩm định thiết kế kỹ thuật - Dự toán hạng mục đo đạc bản đồ; Kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu bản đồ.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định thiết kế kỹ thuật - Dự toán hạng mục đo đạc bản đồ thuộc các Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước không thuộc các dự án do ngân sách cấp huyện chi được quy định tại Khoản 2 Điều này; Kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu bản đồ sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền UBND Thành phố quyết định, gồm:

- Bản đồ địa chính các tỉ lệ;

- Bản đồ địa hình các tỷ lệ phục vụ công tác quản lý và quy hoạch: xây dựng đô thị - nông thôn; công trình ngầm đô thị; thăm dò, khai thác khoáng sản, tài nguyên và môi trường; quy hoạch nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi;

- Bản đồ hiện trạng.

Bản đồ sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền UBND Thành phố quyết định nêu trên do Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu thì Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện hoặc UBND cấp xã không kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thẩm định thiết kế kỹ thuật - Dự toán hạng mục đo đạc bản đồ thuộc các dự án sử dụng vốn do ngân sách cấp huyện và cấp xã chi; Kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu bản đồ sử dụng làm tài liệu, hồ sơ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và bản đồ sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ công tác lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi tiết”.

6. Khoản 2 và 3, **Điều 8** được sửa đổi như sau: :

“ 2. Các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng các nguồn tư liệu bản đồ hiện có khi thực hiện các thủ tục hành chính, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

3. Trung tâm công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị cập nhật, lưu trữ và cung cấp thông tin, tư liệu về hệ thống điểm đo đạc cơ sở, hệ thống bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ địa hình, bản đồ hành chính, bản đồ chuyên đề, hệ thống thông tin địa lý và thông tin đất đai phục vụ cho mục đích chuyên dụng trên địa bàn Thành phố; bảo vệ và bảo mật tài liệu theo quy định”.

7. Khoản 5, **Điều 9** được sửa đổi như sau:

“5. Bản khai quá trình công tác (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác, Quyết định bổ nhiệm, giấy khám sức khỏe của người phụ trách kỹ thuật chính. Hợp đồng lao động và văn bằng, chứng chỉ của cán bộ, công nhân viên làm việc trong đơn vị, tổ chức theo ngành nghề liên quan đến ngành nghề đo đạc và bản đồ.

Hồ sơ nộp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian giải quyết hồ sơ không quá 05 ngày làm việc.”

8. Mục b và d Khoản 1, **Điều 10** được sửa đổi như sau:

“ b) Số liệu điểm đo đạc cơ sở hoặc bản đồ địa chính; Tài liệu kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu của đơn vị đo đạc, Báo cáo kết quả thực hiện công trình sản phẩm đo đạc: chất lượng, khối lượng, phương pháp thực hiện; Hợp đồng đo đạc bản đồ;”

“d) 05 bộ bản đồ (theo mẫu);”

9. Mục b, Khoản 2, **Điều 10** được sửa đổi như sau:

“b. Nộp văn bản thẩm định khảo sát thiết kế - dự toán hạng mục đo đạc bản đồ được quy định tại Khoản 1 Điều 6”.

10. Bổ sung Khoản 4 vào **Điều 11** như sau:

“4. Trường hợp đo đạc bản đồ có sử dụng vốn ngân sách, bổ sung Văn bản thẩm định khảo sát thiết kế - dự toán hạng mục đo đạc và bản đồ được quy định tại Khoản 2 Điều 6”.

11. Bổ sung Khoản 4 vào Điều 12 như sau:

“4. Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên Môi trường cấp huyện có trách nhiệm thẩm định thiết kế kỹ thuật - Dự toán hạng mục đo đạc bản đồ theo phân cấp tại Điều 6. Thời gian giải quyết không quá 05 ngày làm việc.”

12. Sửa đổi mục g, khoản 1, Điều 13 như sau:

“g) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện để xác định mốc giới sử dụng đất trên bản đồ, cắm mốc và bàn giao mốc ngoài thực địa cho các tổ chức, cá nhân được thực hiện các dự án đầu tư xây dựng có sử dụng đất; cắm mốc giới và bàn giao đất cho các tổ chức, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; xác định mốc quy hoạch sử dụng đất; chủ trì tổ chức sản xuất, gia công mốc giới và mặt mốc giới, thực hiện quản lý quy chuẩn mốc giới trên địa bàn Thành phố”.

13. Sửa đổi Khoản 6, Điều 13 như sau:

“6. Các tổ chức đo đạc bản đồ có trách nhiệm:

- Đo đạc, lập hồ sơ kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu theo quy định tại Điều 10 và 11 bản quy định này.

- Báo cáo tình hình hoạt động đo đạc bản đồ của tổ chức gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 5/12 hằng năm (theo mẫu số 7 của Thông tư số 32/2010/TT-BTN&MT ngày 18/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).”

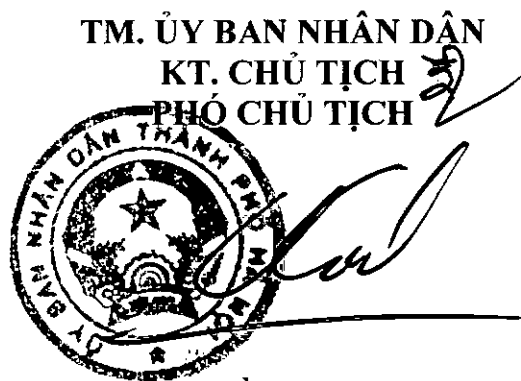
14. Bãi bỏ Khoản 1, Điều 15 (Lý do: Quyết định số 38/2008/QĐ-UBND ngày 22/10/2008 của UBND Thành phố đã hết hiệu lực).

**Điều 2 .** Các nội dung khác tại “Quy định về hoạt động đo đạc bản đồ, sử dụng các sản phẩm đo đạc bản đồ trên địa bàn Thành phố Hà Nội ”ban hành kèm theo Quyết định số 54/2010/QĐ-UBND ngày 19/11/2010 của UBND Thành phố giữ nguyên hiệu lực.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện và thị xã Sơn Tây; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, TN&TM, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp, KH&ĐT, NN&PTNN, Nội vụ;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng HĐND&ĐDBQHNN;
- CPVP, TH, các Phòng CV;
- Trung tâm Tin học Công báo;
- Lưu: VT (130b), TN (8b). *uy*



Vũ Hồng Khanh